

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Đủ độ tuổi theo đúng quy định.	- Đã hoàn thành chương trình lớp 1. - Xét năng lực và phẩm chất.	- Đã hoàn thành chương trình lớp 2. - Xét năng lực và phẩm chất.	- Đã hoàn thành chương trình lớp 3. - Xét năng lực và phẩm chất.	- Đã hoàn thành chương trình lớp 4. - Xét năng lực và phẩm chất.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Học sinh học bán trú (2 buổi): Gồm chương trình giáo dục tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình Tiếng Anh quốc tế.				
II I	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Cha mẹ/ người giám hộ HS quan tâm, phối hợp chặt chẽ với nhà trường. - HS chăm chỉ, ngoan ngoãn, chủ động, sáng tạo trong học tập, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện. - HS thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy. - HS thực hiện tốt nội quy học sinh. - HS thực hiện tốt các phẩm chất và năng lực của HS tiểu học. - HS hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, luôn kính trọng lễ phép với người lớn, thầy cô giáo, cán bộ nhân viên nhà trường; yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè, em nhỏ, người già, người khuyết tật và có hoàn cảnh khó khăn. - HS tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của trường.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Nhà trường tổ chức các buổi ngoại khoá, các câu lạc bộ cho học sinh đăng kí tham gia để phát huy năng khiếu cho các em, đồng thời giúp các em được ứng dụng thực thành kiến thức đã học vào thực tiễn. - Nhà trường tổ chức cho học sinh tham quan dã ngoại các bảo tàng, công viên để HS có cơ hội tìm hiểu lịch sử, thiên nhiên và môi trường sống; tạo sân chơi lành mạnh thông qua việc tổ chức các Lễ hội như Tết Trung thu, ngày hội Liên Hợp Quốc, Lễ hội trò chơi dân gian, ngày hội vui khỏe... - Nhà trường tổ chức các chuyên đề tư vấn tâm lí học đường; có phòng tham vấn học đường và nhân viên tâm lí hỗ trợ học sinh kịp thời.				

		- Nhà trường đẩy mạnh xây dựng thư viện thân thiện, phát triển văn hóa đọc nhằm giúp học sinh hình thành kỹ năng, phương pháp và thói quen đọc. - Nhà trường phối hợp cùng các ban ngành tổ chức diễn tập PCCC, giáo dục an toàn giao thông, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe cho HS ở tuổi dậy thì; thực hiện dự án trồng cây, phân loại rác bảo vệ môi trường.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Trường Quốc tế Á Châu mang đến cho học sinh môi trường học tập đầy hứng thú, khuyến khích học sinh tham gia học tập với tinh thần tự giác và thoải mái; giúp các em có khả năng tư duy độc lập, tự tin, phát triển cả về kiến thức lẫn nhân cách một cách tự nhiên và hiệu quả. - 100% học sinh đạt được năng lực cốt lõi và phẩm chất chủ yếu theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Đảm bảo học sinh sức khỏe tốt.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh Trường Quốc tế Á Châu hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông của lớp học, có trình độ tiếng Anh, Tin học, kỹ năng và tri thức cần thiết nhằm giúp học sinh có thể dễ dàng tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn trong và ngoài nước, và thành công trong tương lai.

TPHCM, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Lê Thanh Trúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế,
năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	3406	483	549	677	758	939
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	3406	483	549	677	758	939
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	3382 (99%)	483 (100%)	546 (99%)	672 (99%)	752 (99%)	929 (99%)
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	24 (1%)	0	3 (1%)	5 (1%)	6 (1%)	10 (1%)
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	3315 (97%)	473 (98%)	541 (99%)	657 (97%)	715 (94%)	929 (99%)
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	91 (3%)	10 (2%)	8 (1%)	20 (3%)	43 (6%)	10 (1%)
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	3406 (100%)	483 (100%)	549 (100%)	677 (100%)	758 (100%)	939 (100%)

a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	3315 (97%)	473 (98%)	541 (99%)	657 (97%)	715 (94%)	929 (99%)
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						

TPHCM, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Lê Thanh Trúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	275/152	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	275	1.34 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ	6	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	5597.18	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	5393.47	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	8154.96	
2	Diện tích thư viện (m ²)	758	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	530	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	482	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	304	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	76	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	152	1 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	22	
1.2	Khối lớp 2	26	

1.3	Khối lớp 3	28	
1.4	Khối lớp 4	36	
1.5	Khối lớp 5	40	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	401	1 học sinh/ bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	817	5.4 thiết bị/lớp
1	Ti vi	29	
2	Cát xét	64	
3	Đầu Video/đầu đĩa	9	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	288	
5	Thiết bị khác...	427	
6			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	610
XI	Nhà ăn	2903

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	26		52/52		0.4/0.5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	

XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

TPHCM, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Lê Thanh Trúc

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên,
năm học 2023 - 2024**

[illegible]

7	Nhân viên văn thư	1			1										
8	Tổng phụ trách Đội	1			1										
9	Nhân viên hành chánh (bảo vệ, tạp vụ, bảo mẫu, dinh dưỡng)	176			3	2	10	161							
10	Nhân viên khác	97			68	28	1								

TPHCM, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Lê Thanh Trúc